

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VŨ THƯ'
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 79/2019/HS-ST
Ngày 29-11-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VŨ THƯ' - TỈNH THÁI BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hà Toàn Thắng.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Nhiều.

2. Ông Phạm Đức Hiền.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Liên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 80/2019/TLST-HS ngày 19 tháng 11 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 80/2019/QĐXXST-HS ngày 19 tháng 11 năm 2019 đối với bị cáo:

Phan Văn N, sinh ngày 17 tháng 9 năm 1986, tại tỉnh T; nơi cư trú: Thôn B, xã T, huyện V, tỉnh T; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Lớp 9/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; con ông: Phạm Văn B và bà: Trần Thị C; chưa có vợ, con; tiền án: 01 tiền án: Bản án số 61/2017/HSST ngày 20/4/2017 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh T xử phạt Phan Văn N 02 năm 03 tháng tù, về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, thời hạn tù tính từ ngày 02/12/2016. Ngày 02/12/2018, chấp hành xong án phạt tù nhưng chưa chấp hành xong nghĩa vụ thi hành án dân sự; tiền sự: Không; nhân thân: Bản án số 11/2007/HSST ngày 03/5/2007 của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh T xử phạt Phan Văn N 01 năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 02 năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 03/5/2017, về tội “Giao cho người không đủ điều kiện điều khiển các phương tiện giao thông đường bộ”. Bản án số 29/2008/HSPT ngày 20/5/2008 của Tòa án nhân dân tỉnh T xử phạt Phan Văn N 07 năm tù về tội “Hiếp dâm”. Tổng hợp với 01 năm tù của Bản án số 11/2007/HSST ngày 03/5/2007 của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh T, buộc N phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 08 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 02/10/2007. Ngày 30/8/2011, N đã

chấp hành xong bản án. Quyết định số 291/UBND ngày 23/12/2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh T áp dụng biện pháp đưa đi cơ sở giáo dục trong thời hạn 02 năm, chấp hành xong ngày 23/12/2015; bị bắt từ ngày 02 tháng 10 năm 2019. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện V, tỉnh T. Có mặt.

- *Bị hại:* Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1981; nơi cư trú: Thôn B, xã T, huyện V, tỉnh T. Vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Chị Hà Thị L, sinh năm 1999; nơi cư trú: Thôn B, xã B, huyện V, tỉnh T. Vắng mặt.

- *Người làm chứng:* Anh Nguyễn Văn S, sinh năm 1985; nơi cư trú: Thôn T, xã T, huyện V, tỉnh T. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Phan Văn N biết việc bạn gái là chị Hà Thị L bị anh Nguyễn Văn T (là người lái xe mô tô chở khách) sờ ngực, mông và âm hộ vào chiều ngày 01 tháng 10 năm 2019. Khoảng 10 giờ ngày 02 tháng 10 năm 2019, N gọi điện hẹn anh T đến nhà chị L để N trả nợ tiền đi xe và chở N đến thị trấn V, huyện V. Anh T đồng ý và điều khiển xe mô tô đi đến nhà chị L. Khi anh T đứng đợi ở ngoài cổng thì N đi từ trong nhà chị L ra bảo anh T vào nhà nói chuyện nhưng anh T không vào. N cầm dao bấm trên tay (dao dài 19cm, phần cán dao bằng nhựa màu đen dài 10,5cm, phần lưỡi dao dài 8,5cm, mũi nhọn, màu xám bạc, có dòng chữ U.S.A) mở ra, gập vào nhiều lần rồi rút chìa khóa xe mô tô của anh T đút vào túi quần và bảo anh T đi vào nhà nói chuyện. Khi vào nhà, N bảo chị L đóng, chốt cửa lại. N và anh T ngồi ghé đối diện nhau. N sử dụng điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 5SE của chị L để quay video cuộc nói chuyện giữa N và anh T. N hỏi anh T về việc đã sàm sỡ chị L, vừa nói vừa cầm dao duỗi ra, gập lại nhiều lần, sau đó cầm mũi dao xuống mặt bàn. Anh T thừa nhận có hành vi sàm sỡ chị L. N đe dọa sẽ đến Công an huyện tố cáo hành vi của anh T và gửi đoạn video quay lại cuộc nói chuyện này cho vợ anh T biết. Anh T xin lỗi N và chị L, muốn N bỏ qua cho. N nói muốn giải quyết êm đẹp thì phải đưa cho N 5.000.000 đồng (năm triệu đồng). Lo sợ mọi người biết việc sẽ ảnh hưởng xấu đến bản thân và gia đình nên anh T đồng ý đưa tiền cho N nếu N không nói cho ai biết, không trình báo Công an và xóa đoạn video ghi lại cuộc nói chuyện. Lúc này chị L nằm trên tấm đệm ở góc nhà chơi game trên điện thoại nên không biết nội dung N và T nói chuyện. Sau đó, anh T điều khiển xe mô tô chở N về nhà lấy 2.000.000 đồng (hai triệu đồng) đưa cho N. Anh T hẹn N sẽ đi vay tiền, đến chiều đưa cho N 3.000.000 đồng (ba triệu đồng) nữa. N đồng ý. Anh T chở N quay lại nhà chị L rồi đi về nhà. Đến khoảng 14 giờ 30 cùng ngày, anh T đi xe mô tô đến nhà chị L, đưa cho N 2.800.000 đồng (Hai

triệu tám trăm nghìn đồng) và bảo N xóa đoạn video ghi lại cuộc nói chuyện buổi sáng. N nói để đến chiều rồi tính, sau đó anh T đi xe về nhà.

Khoảng 16 giờ cùng ngày, N gọi điện hẹn gặp anh T ở khu vực cầu N, thuộc địa phận thôn T, xã T, huyện V, tỉnh T. Do không có xe nên Nhờ anh Lại Tùng L chở đến cầu N. Đến nơi, N, anh T và anh L vào ngồi ở quán nước ven đường. Lúc này, anh T có cuộc gọi điện thoại nên đi ra chỗ khác nói chuyện. N đứng dậy đi theo và bảo anh T phải đưa thêm 1.500.000 đồng (một triệu năm trăm nghìn đồng), hẹn đến 17 giờ 30 cùng ngày phải đưa thì N sẽ xóa đoạn video. Anh T hẹn về vay tiền. Do không vay được tiền nên sau đó anh T gọi điện cho N, hẹn gặp ở khu vực nhà văn hóa huyện V để đưa trước 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng), số còn lại sẽ đưa sau. Khoảng 19 giờ 45 phút cùng ngày, tại khu vực trước cửa Nhà Văn hóa huyện V, khi N vừa nhận số tiền 200.000 đồng của anh T thì bị tổ công tác Công an huyện V bắt quả tang.

Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận hành vi phạm tội của mình như cáo trạng đã truy tố.

Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của nhau, phù hợp với lời khai của bị hại; lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng; biên bản bắt người phạm tội quả tang; biên bản khám nghiệm hiện trường và sơ đồ hiện trường; biên bản làm việc; biên bản quản lý đồ vật, tài liệu, dữ liệu điện tử và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án.

Bản Cáo trạng số 81/CT-VKSVT ngày 19 tháng 11 năm 2019, Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh T truy tố bị cáo Phan Văn N về tội “Cưỡng đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 170 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh T giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 170; điểm b, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g, điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38, Điều 50 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Phan Văn N từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 02 tháng 10 năm 2019. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Vật chứng của vụ án: Đề nghị áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu hủy 02 con dao. Tịch thu sung công quỹ Nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo F1S2. Trả lại chị Hà Thị L 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone SE.

Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo rất ân hận về hành vi phạm tội của mình, mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, những người tham gia tố tụng không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, Người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về căn cứ kết tội đối với các bị cáo: Xét thấy lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và được chứng minh bằng: Biên bản bắt người phạm tội quả tang; biên bản khám nghiệm hiện trường và sơ đồ hiện trường; biên bản làm việc; biên bản quản lý đồ vật, tài liệu, dữ liệu điện tử và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án nên Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Ngày 02 tháng 10 năm 2019, Phan Văn N, sinh ngày 17 tháng 9 năm 1986, trú tại thôn B, xã T, huyện V, tỉnh T đã có hành vi đe dọa, cưỡng đoạt của anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1981, trú tại thôn B, xã T, huyện V, tỉnh T, số tiền 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng). Hành vi của bị cáo đã phạm tội “Cưỡng đoạt tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 170 Bộ luật Hình sự.

Điều 170. Tội cưỡng đoạt tài sản

1. Người nào đe dọa sẽ dùng vũ lực hoặc có thủ đoạn khác uy hiếp tinh thần người khác nhằm chiếm đoạt tài sản, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm.

...

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản.

[3] Về tính chất, mức độ hậu quả hành vi phạm tội của bị cáo: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân, xâm phạm đến trật tự trị an xã hội, gây dư luận xấu trong nhân dân. Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý, đã đe dọa gây sức ép để thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của anh Nguyễn Văn T, điều đó chứng tỏ bị cáo rất liều lĩnh, coi thường pháp luật.

[4] Về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt đối với các bị cáo:

Bị cáo có nhân thân xấu, đã từng bị xét xử vào các năm 2007, 2008, 2017 và bị đưa vào cơ sở giáo dục năm 2013. Bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là phạm tội 02 lần và tái phạm quy định tại điểm g, điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là đã tác động đến gia đình để khắc phục hậu quả, thành khẩn khai báo, bị hại có

đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo, đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Căn cứ vào tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân người phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ và tăng nặng trách nhiệm hình sự xét thấy cần phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định mới đủ điều kiện giáo dục, cải tạo bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

Bị cáo không có thu nhập ổn định, vì vậy không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Anh Nguyễn Văn T yêu cầu bị cáo phải trả lại cho anh số tiền 5.000.000 đồng. Gia đình bị cáo đã bồi thường cho anh T 2.800.000 đồng và nhận lại từ Cơ quan điều tra 2.200.000 đồng. Anh T nhận đủ 5.000.000 đồng và không yêu cầu bị cáo bồi thường thêm, do đó không đặt ra giải quyết.

[6] Về xử lý vật chứng: Đối 01 con dao là công cụ phạm tội, 01 con dao bấm thu giữ của chị Hà Thị L, chị L không có nguyện vọng nhận lại, xét thấy 02 con dao không còn giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu hủy. Điện thoại di động của bị cáo là công cụ phạm tội còn giá trị cần tịch thu sung ngân sách Nhà nước. Điện thoại di động của chị Hà Thị L bị cáo sử dụng vào việc phạm tội tuy nhiên chị L không biết, do đó cần trả lại cho chị L.

[7] Về các vấn đề khác trong vụ án:

Đối với chiếc xe mô tô Yamaha Exciter, màu trắng đen đỏ quản lý của anh Lại Tùng L, sinh năm 1996, trú tại thôn P, xã T, huyện V, tỉnh T, khi thu giữ xe không đeo biển số đăng ký. Quá trình điều tra xác định chiếc xe này đăng ký mang tên chủ sở hữu là anh Lại Tùng L, biển số đăng ký 17B2 - 399.21. Do trước đó bị gãy biển số nên anh L tháo ra. Anh L không biết việc Phan Văn N đe dọa, cưỡng đoạt tài sản của anh Nguyễn Văn T nên Cơ quan điều tra đã trả lại xe mô tô cho anh L và không xử lý đối với anh L là đúng pháp luật.

Đối với chị Hà Thị L: Khi anh Nguyễn Văn T vào nhà, chị L khép và chốt cửa; sau khi Phan Văn N nhận 2.000.000 đồng của anh T đã đưa cho chị L giữ. Quá trình điều tra xác định Phan Văn N không bàn bạc và chị L không biết việc N đe dọa, cưỡng đoạt tài sản của anh T. Khi N đưa tiền cho chị L, N không nói cho chị L biết về nguồn gốc số tiền này. Cơ quan điều tra không xử lý đối với chị L là phù hợp.

[8] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 170; điểm b, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g, điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106; Điều 135, Điều 136, Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Phan Văn N phạm tội “Cưỡng đoạt tài sản”.

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Phan Văn N 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 02 tháng 10 năm 2019.

3. Về xử lý vật chứng: Tịch thu tiêu huỷ 02 con dao. Tịch thu sung ngân sách Nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo F1S2. Trả lại chị Hà Thị L, sinh năm 1999; nơi cư trú: Thôn B, xã T, huyện V, tỉnh T 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone SE.

(Vật chứng đang được Chi cục Thi hành án Dân sự huyện V, tỉnh T quản lý theo phiếu nhập kho ngày 26/11/2019).

4. Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 29 tháng 11 năm 2019. Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện V;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh T;
- Công an huyện V, tỉnh T;
- Trại tạm giam Công an tỉnh T;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Hà Toàn Thắng

